

Số: 01/ĐA-UBND

Phường Trần Phú, ngày 21 tháng 06 năm 2024

ĐỀ ÁN
SÁP NHẬP TRƯỜNG MẪU GIÁO TRẦN PHÚ
VÀO TRƯỜNG MẪU GIÁO HƯƠNG SEN

PHẦN I
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

I. Căn cứ pháp lý

1. Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

2. Luật Giáo dục số 43/2019/QH ngày 14/6/2019;

3. Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

5. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư ban hành Điều lệ trường Mầm non;

6. Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

7. Thông tư số 72/2023/TT-BTC ngày 01/12/2023 của Bộ Tài chính về quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực tài chính;

8. Quyết định số 35/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh về lộ trình thực hiện đối với 13 trường mầm non, mẫu giáo thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường mầm non công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính;

9. Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Định về cơ chế hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

10. Quyết định số 3336/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 – 2025;

11. Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

12. Thông báo số 150/TB-UBND ngày 11/05/2023 của UBND tỉnh Bình Định về ý kiến kết luận của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Hải Giang tại cuộc họp nghe Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo về tiến độ thực hiện Nghị quyết số 33/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh về cơ chế hỗ trợ kinh phí đối với các trường mầm non thuộc diện chuyển đổi sang loại hình trường công lập tự chủ hoàn toàn về tài chính trên địa bàn tỉnh Bình Định;

13. Quyết định số 8212/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 của UBND thành phố Quy Nhơn về việc ban hành Kế hoạch phát triển Giáo dục mầm non thành phố giai đoạn 2020-2025, theo đó phân đấu đến năm 2025 trên địa bàn thành phố mỗi xã, phường có 01 trường mầm non công lập;

14. Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 23/11/2023 của UBND thành phố Quy Nhơn về sáp nhập các Trường mầm non, mẫu giáo công lập trên địa bàn phường Lê Lợi, phường Trần Phú, phường Đống Đa và phường Ngô Mỹ.

II. Sự cần thiết của Đề án

Phường Trần Phú là một trong những phường trung tâm của thành phố Quy Nhơn, có các cơ quan của Tỉnh đứng chân trên địa bàn phường như: Tỉnh ủy Bình Định, UBND tỉnh, Công an tỉnh Bình Định, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định. Diện tích tự nhiên 65,65 ha, Phía đông giáp biển Đông; Phía tây và nam

giáp phường Lý Thường Kiệt; Phía bắc giáp phường Lê Lợi. Trụ sở đóng tại số 219 đường Nguyễn Huệ, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Mật độ dân cư đông đúc, phân bố đều tại các khu phố, có 2.015 hộ gia đình với 11.541 nhân khẩu, được cơ cấu thành 6 khu phố và 43 tổ dân phố. Tất cả các trục đường chính đều được rải nhựa, các đường trong hẻm nhỏ được bê tông hóa, giao thông thuận tiện góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế và thuận tiện cho đời sống của người dân.

Tại địa bàn có 2 trường mẫu giáo công lập (Mẫu giáo Trần Phú, Mẫu giáo Hương Sen) cơ sở còn nhỏ, phòng học diện tích chỉ đạt mức tối thiểu so với quy định nên đa số trẻ 5 tuổi của phường học trái tuyến ở địa bàn khác, tỷ lệ trẻ các độ tuổi khác ra lớp đạt chưa cao. Mặt khác, Trường Mẫu giáo Trần Phú đa số phụ huynh đều là lao động phổ thông nên điều kiện chăm sóc giáo dục cho trẻ còn nhiều hạn chế. Một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm và phối kết hợp tốt với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Sau khi chuyển đổi, các phòng học được nâng cấp sửa chữa; cơ sở vật chất tuy có được tu bổ sửa chữa nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh, phòng làm việc của Hiệu trưởng còn dùng chung với các tổ bộ phận khác (phó Hiệu trưởng, kế toán, văn thư), lớp Mẫu giáo chưa đáp ứng theo yêu cầu của Điều lệ trường Mầm non. Trang bị đồ dùng, đồ chơi tối thiểu Theo văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDDT ngày 23/3/2015 Thông tư ban hành danh mục Đồ dùng Đồ chơi – Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non, tuy có bổ sung những vẫn còn thiếu so với quy định nên phần nào khó khăn cho giáo viên khi thực hiện chương trình Giáo dục mầm non. Trong khi đó Trường Mẫu giáo Hương Sen là trường chuẩn Quốc gia mức độ I, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy khá đầy đủ. Vì thế, để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của trường Mầm non trong thời gian đến, việc sáp nhập trường Mẫu giáo Trần Phú và trường Mẫu giáo Hương Sen là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, viên chức quản lý và nhân viên, phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Quy Nhơn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Quy Nhơn, đồng thời giúp tinh giản bộ máy biên chế, đổi mới công tác hành chính. Đặc biệt việc sáp nhập sẽ nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và đảm bảo sự bình đẳng, công bằng cho trẻ trong việc hưởng thụ chương trình giáo dục, cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đáp ứng với yêu cầu đổi mới trong thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÁC TRƯỜNG TRONG PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Trường Mẫu giáo Trần Phú

Trường Mẫu giáo Trần Phú là cơ sở giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn; chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố; trường có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản để giao dịch theo quy định của nhà nước; được nhà nước cấp ngân sách để đảm bảo hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật”.

Trường Mẫu giáo Trần Phú có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Được thành lập theo Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 11/11/2013 của Chủ tịch UBND TP Quy Nhơn về việc chuyển đổi trường mẫu giáo dân lập phường Trần Phú sang loại hình trường Mẫu giáo công lập.

1.1. Điểm trường

Stt điểm trường	Tên điểm trường	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý (Số/Ngày GCNQSDĐ)	Chủ sở hữu QSDĐ
1	Điểm chính	24 Ngô Văn Sở (KP4)	312,0	AP294006-12/05/2009	Trường MG Trần Phú
2	Điểm phụ 1	52 Nguyễn Lạc (KP4)	697,0	Chưa có GCNQSDĐ	UBND phường
3	Điểm phụ 2	117 Nguyễn Huệ (KP2)	56,0	Chưa có GCNQSDĐ	UBND phường
	Tổng		1.065,0		

1.2. Cơ sở vật chất

Stt	Loại CSVC	Tổng số hiện có	Trong đó:			Ghi chú
			Điểm chính	Điểm phụ 1	Điểm phụ 2	
I	Khối phòng HCQT	07	02	05	0	
1	Phòng Hiệu trưởng	01	01	0	0	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	0	01	0	
3	Văn phòng trường	01	0	01	0	
4	Phòng nhân viên	01	01	0	0	

5	Phòng bảo vệ	01	0	01	0	
6	Khu vệ sinh giáo viên	01	0	01	0	
7	Khu để xe viên chức	01	0	01	0	
8	Phòng HCQT	0	0	0	0	
II	Khối phòng nuôi dưỡng, CSGD	18	03	13	02	
1	Phòng học	06	01	04	01	
2	Khu vệ sinh của trẻ (theo phòng học)	06	01	04	01	
3	Phòng GD thể chất và nghệ thuật	0	0	0	0	
4	Phòng đa năng	01	0	01	0	
5	Phòng tin học	0	0	0	0	
6	Sân chơi theo từng lớp	05	01	04	0	
III	Khối phòng tổ chức ăn	02	02	0	0	
1	Nhà Bếp	01	01	0	0	
2	Kho bếp (LTTP)	01	01	0	0	
IV	Khối phụ trợ	05	03	02	0	
1	Phòng họp	0	0	0	0	
2	Phòng Y tế	0	0	0	0	
3	Nhà kho (chung)	01	01	0	0	
4	Thư viện	0	0	0	0	Thông tư 16
5	Sân chơi	02	01	01	0	
6	Cổng, tường rào	02	01	01	0	
V	Hạ tầng kỹ thuật	20	06	08	06	
1	Hệ thống cấp nước sạch	03	01	01	01	
2	Hệ thống cấp điện	03	01	01	01	
3	Hệ thống PCCC	05	02	02	01	

4	Hạ tầng thông tin, liên lạc	03	01	01	01	
5	Khu thu gom rác thải	03	01	01	01	
6	Tỷ lệ công trình kiến cố	03	0	02	01	

1.3. Tài chính (thời điểm 31/3/2024)

1.3.1. Tình hình thu, chi các khoản kinh phí

Stt	Nguồn kinh phí	Tồn năm 2023 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn đến ngày 31/3/2024
1	Ngân sách	3.311.000	1.336.589.000	326.431.520	1.013.468.480
+	Nguồn KP tự chủ	3.311.000	1.158.589.000	290.483.720	871.416.280
+	Nguồn KP không tự chủ		178.000.000	35.947.800	142.052.200
+	Nguồn KP cải cách tiền lương				
2	Học phí	632.596.184	35.580.000	40.570.125	627.606.059
3	Tiền gửi khác	3.009.676	0		3.009.676
4	Quỹ phát triển HDSN	39.652.133	0		39.652.133
5	Quỹ phúc lợi	16.728.091	0	6.000.000	10.728.091
6	Quỹ khen thưởng	15.022.081	0		15.022.081
7	Tiền chăm sóc bán trú	1.074.388	45.963.239	42.202.740	4.834.887
8	Tiền ăn	90.500.780	205.970.000	284.526.062	11.944.718
9	Tiền dạy làm quen tiếng Anh				
10	Tiền dạy hè	244.421	0	0	244.421
11	Tiền làm thêm ngày thứ 7	439.305	34.290.000	28.831.440	5.897.865
12	Kinh phí hoạt động BĐDCMHS				
13	Tiền hội Khuyến học				
	Tổng cộng	802.578.059	1.658.392.239	728.561.887	1.732.408.411

1.3.2. Tình hình thực hiện tự chủ, tự đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Số lượng học sinh	Mức thu (đồng/HS/tháng)	Tổng thu học phí cả năm (đồng)	Nhu cầu chi thường xuyên (đồng)	Nguồn kinh phí đảm bảo chi thường xuyên (đồng)			Tỷ lệ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên
				Cộng	Ngân sách	Học phí	
133	270.000	323.190.000	1.718.572.000	1.718.572.000	1.336.589.000	381.983.000	22,23%

1.4. Tài sản (thời điểm 31/3/2024).

Stt	Chỉ tiêu	Tài sản hữu hình	Tài sản vô hình	Công cụ dụng cụ
1	Nguyên giá			
+	Số đầu năm (ngày 31/12/2023)	3.136.378.806	6.055.950.000	387.947.083
+	Tăng trong năm			
+	Giảm trong năm			
+	Số cuối năm (ngày 31/03/2024)	3.136.378.806	6.055.950.000	387.947.083
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế			
+	Số đầu năm (ngày 31/12/2023)	2.067.178.316	47.950.000	
+	Tăng trong năm			
+	Giảm trong năm			
+	Số cuối năm (ngày 31/03/2024)	2.067.178.316	47.950.000	
3	Giá trị còn lại			
+	Số đầu năm (ngày 31/12/2023)	1.069.200.490	6.008.000.000	387.947.083
+	Số cuối năm (ngày 31/03/2024)	1.069.200.490	6.008.000.000	387.947.083

Ghi chú: Chi tiết về tài sản, công cụ dụng cụ được thể hiện trên hồ sơ quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và hệ thống phần mềm quản lý tài sản.

1.5. Quy mô lớp, học sinh

Stt điểm trường	Tên điểm trường	Địa chỉ	Số lớp	Số trẻ	Ghi chú
1	Điểm chính	39 Nguyễn Lạc (KP4)	01	30	
2	Điểm phụ 1	52 Nguyễn Lạc(KP4)	04	80	
3	Điểm phụ 2	117 Nguyễn Huệ (KP2)	1	20	
	Tổng		06	130	

1.6. Tổ chức, nhân sự (thời điểm 31/3/2024)

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng (người)			Ghi chú
		Biên chế được giao	Biên chế hiện có mặt	Hợp đồng	
1	Viên chức quản lý	02	02	0	
+	Hiệu trưởng	01	01	0	
+	Phó Hiệu trưởng	01	01	0	
2	Chức danh NN chuyên ngành	11	11	0	
+	Giáo viên	11	11	0	
+	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	
3	Chức danh NNCM dùng chung	01	01	0	
+	Kế toán	01	01	0	
+	Văn thư	0	0	0	
+	Y tế	0	0	0	

+	Thư viện	0	0	0	
+	Thủ quỹ	0	0	0	
4	Hỗ trợ, phục vụ	0	0	03	
+	Bảo vệ	0	0	01	
+	Phục vụ	0	0	0	
+	Nấu ăn	0	0	02	
+	Cấp dưỡng	0	0	0	
+	Khác (ghi cụ thể công việc)	0	0	0	

2. Trường Mẫu giáo Hương Sen

Trường Mẫu giáo Hương Sen là cơ sở giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn; chịu sự quản lý nhà nước về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố; trường có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản để giao dịch theo quy định của nhà nước; được nhà nước cấp ngân sách để đảm bảo hoạt động chuyên môn theo quy định của pháp luật”.

Trường Mẫu giáo Hương Sen có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức hoạt động theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Được thành lập theo theo quyết định số 10562/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn về việc chuyển đổi trường Mẫu giáo bán công Hương Sen sang trường Mẫu giáo công lập tự chủ tài chính của Ủy ban Nhân dân thành phố Quy Nhơn.

Trường đã được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 theo Quyết định số 379/QĐ – SGDDT ngày 27/02/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định và được UBND tỉnh Bình Định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 theo Quyết định số 335/QĐ – UBND ngày 01/02/2018.

2.1. Điểm trường

Stt điểm trường	Tên điểm trường	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý (Số/Ngày GCNQSDĐ)	Chủ sở hữu QSDĐ
1		32 Nguyễn Trãi	933,6	AP294068-01/07/2009	Trường MG Hương Sen
	Tổng		933,6		

2.2. Cơ sở vật chất

Stt	Loại CSVC	Tổng số hiện có	Ghi chú
I	Khối phòng HCQT	05	
1	Phòng Hiệu trưởng	0	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	0	
3	Văn phòng trường	01	Sử dụng chung (HT, PHT, Văn thư, Kế toán)
4	Phòng nhân viên	0	
5	Phòng bảo vệ	0	
6	Khu vệ sinh giáo viên	3	
7	Khu để xe viên chức	01	
8	Phòng HCQT	0	
II	Khối phòng nuôi dưỡng, CSGD	15	
1	Phòng học	07	
2	Khu vệ sinh của trẻ (theo phòng học)	07	
3	Phòng GD thể chất và nghệ thuật	0	
4	Phòng đa năng	01	
5	Phòng tin học	0	
6	Sân chơi theo từng lớp	0	
III	Khối phòng tổ chức ăn	02	
1	Nhà Bếp	01	
2	Kho bếp (LTTP)	01	
IV	Khối phụ trợ	03	
1	Phòng họp	0	
2	Phòng Y tế	0	
3	Nhà kho (chung)	01	
4	Thư viện	0	Thông tư 16
5	Sân chơi	01	
6	Công, tường rào	01	
V	Hạ tầng kỹ thuật	6	
1	Hệ thống cấp nước sạch	01	
2	Hệ thống cấp điện	01	
3	Hệ thống PCCC	01	
4	Hạ tầng thông tin, liên lạc	01	

5	Khu thu gom rác thải	01	
6	Tỷ lệ công trình kiến cố	01	

2.3. Tài chính (thời điểm 31/3/2024)

2.3.1. Tình hình thu, chi các khoản kinh phí

Stt	Nguồn kinh phí	Tồn năm 2023 chuyển sang	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn đến ngày 31/3/2024
1	Ngân sách	17.055.000	2.018.036.000	499.512.639	1.535.578.361
+	Nguồn KP tự chủ	17.055.000	1.929.036.000	479.741.349	1.466.349.651
+	Nguồn KP không tự chủ	0	89.000.000	19.771.290	69.228.710
+	Nguồn KP cải cách tiền lương	0	0	0	0
2	Học phí	2.787.311.427	176.310.000	54.279.369	2.909.342.058
3	Tiền gửi khác	2.657.532	0	0	2.657.532
4	Quỹ phát triển HDSN	160.161.211	0	0	160.161.211
5	Quỹ phúc lợi	28.801.083	0	9.000.000	19.801.083
6	Quỹ khen thưởng	28.930.042	0	0	28.930.042
7	Tiền chăm sóc bán trú	16.306.155	98.400.000	90.676.500	24.029.655
8	Tiền ăn	0	505.015.000	505.015.000	0
9	Tiền dạy làm quen tiếng Anh	3.174.000	1.839.000	1.226.000	3.787.000
10	Tiền dạy hè	570.514	0	0	570.514
11	Tiền làm thêm ngày thứ 7	17.806.433	57.510.000	51.549.935	23.766.498
12	Kinh phí hoạt động BDDCMHS	3.958.000	0	0	3.958.000
13	Tiền hội Khuyến học	27.113.100	0	0	27.113.100
	Tổng cộng	3.093.844.497	2.857.110.000	1.211.259.443	4.739.695.054

2.3.2. Tình hình thực hiện tự chủ, tự đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ

Số lượng học sinh	Mức thu (đồng/HS/tháng)	Tổng thu học phí cả năm (đồng)	Nhu cầu chi thường xuyên (đồng)	Nguồn kinh phí đảm bảo chi thường xuyên (đồng)			Tỷ lệ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên
				Cộng	Ngân sách	Học phí	
214	270.000	520.020.000	2.618.048.000	2.618.048.000	2.018.036.000	600.012.000	22,92%

2.4. Tài sản (thời điểm 31/3/2024)

Stt	Chỉ tiêu	Tài sản hữu hình	Tài sản vô hình	Công cụ, dụng cụ
1	Nguyên giá			
+	Số đầu năm (ngày 31/12/2023)	4.647.782.500	4.037.620.000	792.047.769
+	Tăng trong năm			
+	Giảm trong năm			
+	Số cuối năm (ngày 31/03/2024)	4.647.782.500	4.037.620.000	792.047.769
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế			
+	Số đầu năm (ngày 31/12/2023)	3.329.766.598	57.300.000	
+	Tăng trong năm			
+	Giảm trong năm			
+	Số cuối năm (ngày 31/03/2024)	3.329.766.598	57.300.000	
3	Giá trị còn lại			
+	Số đầu năm (ngày 31/12/2023)	1.318.015.902	3.980.320.000	792.047.769
+	Số cuối năm (ngày 31/03/2024)	1.318.015.902	3.980.320.000	792.047.769

Ghi chú: Chi tiết về tài sản, công cụ dụng cụ được thể hiện trên hồ sơ quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và hệ thống phần mềm quản lý tài sản.

2.5. Quy mô lớp, học sinh

Stt điểm trường	Tên điểm trường	Địa chỉ	Số lớp	Số trẻ	Ghi chú
1		32 Nguyễn Trãi (KP6)	07	214	
	Tổng		07	214	

2.6. Tổ chức, nhân sự (thời điểm 31/3/2024)

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng (người)			Ghi chú
		Biên chế được giao	Biên chế hiện có mặt	Hợp đồng	
1	Viên chức quản lý	02	02	0	
+	Hiệu trưởng	01	01	0	
+	Phó Hiệu trưởng	01	01	0	
2	Chức danh NN chuyên ngành	14	14	0	
+	Giáo viên	14	14	0	
+	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	
3	Chức danh NNCM dùng chung	02	02	0	
+	Kế toán	01	01	0	
+	Văn thư	01	01	0	

+	Y tế	0	0	0	
+	Thư viện	0	0	0	
+	Thủ quỹ	0	0	0	
4	Hỗ trợ, phục vụ	0	0	04	
+	Bảo vệ	0	0	01	
+	Phục vụ	0	0	0	
+	Nấu ăn	0	0	03	
+	Cấp dưỡng	0	0	0	
+	Khác (ghi cụ thể công việc)	0	0	0	

PHẦN III PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP

I. Mục tiêu, phạm vi, nguyên tắc, thời gian

1. Mục tiêu

Việc sáp nhập trường Mẫu giáo Trần Phú vào trường Mẫu giáo Hương Sen thành một trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo lợi ích chính đáng của trẻ em theo quy định của pháp luật, phù hợp quy hoạch mạng lưới trường lớp của ngành Giáo dục thành phố Quy Nhơn; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của viên chức, người lao động; tiết kiệm tài chính, ngân sách; tinh giản bộ máy biên chế, góp phần đổi mới công tác hành chính, nâng chất lượng giáo dục toàn diện và đảm bảo được môi trường học tập an toàn, thân thiện, hiệu quả và bình đẳng cho trẻ em.

2. Nguyên tắc

Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đảm bảo quy hoạch mạng lưới trường, lớp của ngành Giáo dục và tiến độ sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập của UBND thành phố Quy Nhơn.

3. Phạm vi

Đề án được thực hiện đối với trường Mẫu giáo Trần Phú và trường Mẫu giáo Hương Sen trên địa bàn phường Trần Phú thành phố Quy Nhơn.

4. Thời gian: Thời điểm sáp nhập ngày 01/7/2024.

II. Nội dung sáp nhập

Tên trường: Trường Mẫu giáo Hương Sen

Địa chỉ: 32 Nguyễn Trãi, khu phố 6, phường Trần Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

*** *Nhiệm vụ và quyền hạn:***

Trường Mẫu giáo Hương Sen là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố Quy Nhơn, chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp chức năng, nhiệm vụ của UBND thành phố về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và các hoạt động chuyên môn khác.

Trường có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 24 tháng tuổi đến 06 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu, tham gia tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1. Điểm trường

Stt điểm trường	Tên điểm trường	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý	Chủ sở hữu QSDĐ
1	Điểm chính	32 Nguyễn Trãi	933,6	AP294068-01/07/2009	Trường MG Hương Sen
2	Điểm phụ 1	24 Ngô Văn Sở (KP4)	312,0	AP294006-12/05/2009	Trường MG Trần Phú
3	Điểm phụ 2	52 Nguyễn Lạc(KP4)	697,0	Chưa có GCNQSDĐ	UBND phường
4	Điểm phụ 3	117 Nguyễn Huệ (KP2)	56,0	Chưa có GCNQSDĐ	UBND phường
	Tổng		1.998,6		
	m²/trẻ	TS trẻ: 344	5,8		

* Đánh giá chung:

- Giảm 1 điểm trường phụ 3 (117 Nguyễn Huệ) của trường Mẫu giáo Trần Phú vì không đủ diện tích, sân chơi không có và cơ sở vật chất chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26/5/2020.

- Với số lượng trẻ sau khi sáp nhập thì diện tích bình quân 5,8 m²/trẻ thì không thể đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở vật chất (đối chiếu các quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Loại CSVC	Hiện có	Đối chiếu với TT13			Ghi chú
			Yêu cầu M1	Thừa	Thiếu	
I	Khối phòng HCQT	11				
1	Phòng Hiệu trưởng	1	1			
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1			
3	Văn phòng trường	1	1			
4	Phòng nhân viên	1	1			
5	Phòng bảo vệ	1	1			
6	Khu vệ sinh giáo viên	4	1			
7	Khu để xe viên chức	2	Có			
8	Phòng HCQT	0	1		1	
II	Khối phòng nuôi dưỡng, CSGD	20				
1	Phòng học	13	01P/L			
	Khu vệ sinh của trẻ (theo phòng học)	13	Có			
2	Phòng GD thể chất và nghệ thuật	0	1		1	
3	Phòng đa năng	2	1	1		
4	Phòng tin học	0	1		1	
5	Sân chơi theo từng lớp	05	Có			
	Khối phòng tổ chức ăn	4				

Stt	Loại CSVC	Hiện có	Đối chiếu với TT13			Ghi chú
			Yêu cầu M1	Thừa	Thiếu	
III						
1	Nhà Bếp	2	1	1		
2	Kho bếp (LTTP)	2	2			
IV	Khối phụ trợ	7				
1	Phòng họp	0	1		1	
2	Phòng Y tế	0	1		1	
3	Nhà kho (chung)	1	1			
4	Thư viện	0	1		1	TT16
5	Sân chơi	3	Có			
6	Cổng, tường rào	3	Có			
V	Hạ tầng kỹ thuật					
1	Hệ thống cấp nước sạch	4	Có			
2	Hệ thống cấp điện	4	Có			
3	Hệ thống PCCC	6	Có			
4	Hạ tầng thông tin, liên lạc	4	Có			
5	Khu thu gom rác thải	4	Có			
6	Tỷ lệ công trình kiến cố	4	≥70%			

*** Đánh giá chung:**

Sau khi sáp nhập, trường Mẫu giáo Hương Sen chưa đảm bảo CSVC về các phòng hành chính quản trị để đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tài chính (thời điểm 31/3/2024)

3.1. Tình hình thu, chi các khoản kinh phí

Stt	Nguồn kinh phí	Tồn đến ngày 31/3/2024		
		Trường Mẫu giáo Trần Phú	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cộng
1	Ngân sách	1.013.468.480	1.535.578.361	2.549.046.841
+	Nguồn KP tự chủ	871.416.280	1.466.349.651	2.337.765.931
+	Nguồn KP không tự chủ	142.052.200	69.228.710	211.280.910
+	Nguồn KP cải cách tiền lương			
2	Học phí	627.606.059	2.909.342.058	3.536.948.117
3	Tiền gửi khác	3.009.676	2.657.532	5.667.208
4	Quỹ phát triển HĐSN	39.652.133	160.161.211	199.813.344
5	Quỹ phúc lợi	10.728.091	19.801.083	30.529.174
6	Quỹ khen thưởng	15.022.081	28.930.042	43.952.123
7	Tiền chăm sóc bán trú	4.834.887	24.029.655	28.864.542
8	Tiền ăn	11.944.718	0	11.944.718
9	Tiền dạy làm quen tiếng Anh		3.787.000	3.787.000

Stt	Nguồn kinh phí	Tồn đến ngày 31/3/2024		
		Trường Mẫu giáo Trần Phú	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cộng
10	Tiền dạy hè	244.421	570.514	814.935
11	Tiền làm thêm ngày thứ 7	5.897.865	23.766.498	29.664.363
12	Kinh phí hoạt động BĐDCMHS		3.958.000	3.958.000
13	Tiền hội Khuyến học		27.113.100	27.113.100
	Tổng cộng	1.732.408.411	4.739.695.054	6.472.103.465

* **Đánh giá chung:** Sau khi sáp nhập trường vẫn đảm bảo được kinh phí hoạt động.

3.2. Tình hình thực hiện tự chủ, tự đảm bảo chi thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ

Stt	Đơn vị	Số lượng học sinh	Mức thu (đồng/HS/tháng)	Tổng thu học phí cả năm (đồng)	Nhu cầu chi thường xuyên (đồng)	Nguồn kinh phí đảm bảo chi thường xuyên (đồng)			Tỷ lệ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên
						Cộng	Ngân sách	Học phí	
1	Trường MG Trần Phú	133	270.000	323.190.000	1.718.572.000	1.718.572.000	1.336.589.000	381.983.000	22,23%
2	Trường MG Hương Sen	214	270.000	520.020.000	2.618.048.000	2.618.048.000	2.018.036.000	600.012.000	22,92%
	Cộng	347	270.000	843.210.000	4.336.620.000	4.336.620.000	3.354.625.000	981.995.000	22,64%

* **Đánh giá chung:**

Sau khi sáp nhập, trường xác định mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ như sau: Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên là 22,64%, là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) (từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên).

4. Tài sản (thời điểm 31/3/2024)

Stt	Chỉ tiêu	Chi tiết đơn vị		
		Trường MG Trần Phú	Trường Mẫu giáo Hương Sen	Cộng
I	Tài sản hữu hình			

1	Nguyên giá	3.136.378.806	4.647.782.500	7.784.161.306
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế	2.067.178.316	3.329.766.598	5.396.944.914
3	Giá trị còn lại	1.069.200.490	1.318.015.902	2.387.216.392
II	Tài sản vô hình			
1	Nguyên giá	6.055.950.000	4.037.620.000	10.093.570.000
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế	47.950.000	57.300.000	105.250.000
3	Giá trị còn lại	6.008.000.000	3.980.320.000	9.988.320.000
III	Công cụ dụng cụ			
1	Nguyên giá	387.947.083	792.047.769	1.179.994.852
2	Khấu hao, hao mòn lũy kế	0	0	0
3	Giá trị còn lại	387.947.083	792.047.769	1.179.994.852

Ghi chú:

+ Chi tiết về tài sản, công cụ dụng cụ được thể hiện trên hồ sơ quản lý tài sản, công cụ dụng cụ và hệ thống phần mềm quản lý tài sản.

5. Quy mô lớp, học sinh

Stt điểm trường	Tên điểm trường	Địa chỉ	Số lớp	Số trẻ	Ghi chú
1	Điểm chính	32 Nguyễn Trãi	7	214	
2	Điểm phụ 1	39 Nguyễn Lạc (KP4)	01	30	
3	Điểm phụ 2	52 Nguyễn Lạc(KP4)	04	80	
4	Điểm phụ 3	117 Nguyễn Huệ (KP2)	1	20	
	Tổng		13	130	
	TS trẻ/lớp			344	

*** Đánh giá chung:**

Sau khi sáp nhập sĩ số trẻ 344/13 lớp đảm bảo quy định theo Điều lệ trường mầm non (26 trẻ/1 lớp)

6. Tổ chức, nhân sự (thời điểm 31/3/2024)**6.1. Nhu cầu viên chức, người lao động**

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng (người)				Ghi chú
		Nhu cầu theo định mức	Biên chế được giao	Biên chế hiện có mặt	Hợp đồng	
1	Viên chức quản lý	3	4	4		
+	Hiệu trưởng	1	2	2		
+	Phó Hiệu trưởng	2	2	2		
2	Chức danh NN chuyên ngành	30	25	25		
+	Giáo viên	29	25	25		
+	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	0	0		
3	Chức danh NNCM dùng chung	3	3	3		
+	Kế toán	1	2	2		
+	Văn thư	1	1	1		
+	Y tế	1				

+	Thư viện	0				
+	Thủ quỹ	0				
4	Hỗ trợ, phục vụ	7			7	
+	Bảo vệ	1			2	
+	Phục vụ	1				
+	Nấu ăn	5			5	
+	Cấp dưỡng					
+	Khác (ghi cụ thể công việc)					

6.2. Đánh giá nhu cầu viên chức, người lao động

Stt	Vị trí việc làm	Số lượng (người)					Ghi chú
		Thừa của BC giao so với nhu cầu theo định mức	Thiếu của BC giao so với nhu cầu theo định mức	Thừa so với BC được giao	Thiếu so với BC được giao	Hợp đồng	
1	Viên chức quản lý	1	0	0			
+	Hiệu trưởng	1		0			
+	Phó Hiệu trưởng						
2	Chức danh NN chuyên ngành		5				
+	Giáo viên		4				
+	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật		1				
3	Chức danh NNCM dùng chung	1	1				
+	Kế toán	1		0			
+	Văn thư						
+	Y tế		1				
+	Thư viện						
+	Thủ quỹ						
4	Hỗ trợ, phục vụ						
+	Bảo vệ						
+	Phục vụ						
+	Nấu ăn						
+	Cấp dưỡng						
+	Khác (ghi cụ thể công việc)						

* **Đánh giá chung:** Sau khi sáp nhập, trường chưa đảm bảo đủ các vị trí việc làm theo quy định hiện hành cụ thể như sau:

- Thiếu một số vị trí:

+ Giáo viên: 4 GV

+ Vị trí hỗ trợ giáo dục người khuyết tật: 01

+ Nhân viên y tế: 01

- Thừa một số vị trí:

+ Hiệu trưởng: 1

+ Kế toán:

PHẦN IV KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với UBND thành phố Quy Nhơn.

- Sau khi có Quyết định sáp nhập, đề nghị UBND thành phố Quy Nhơn hỗ trợ kinh phí và tạo điều kiện cho nhà trường được thực hiện xây dựng mới lại điểm trường 32 Nguyễn Trãi để đảm bảo diện tích đất bình quân 10,54 m²/trẻ đảm bảo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT

- Đề nghị UBND thành phố Quy Nhơn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường, có chỉ đạo định hướng UBND Phường Trần Phú để thu hồi các điểm lẻ, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn và quy định trong điều lệ trường mầm non.

- Đề nghị UBND Thành phố Quy Nhơn xem xét, giải quyết về việc sắp xếp nhân sự cho các vị trí chức danh còn thừa hoặc thiếu.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo Quy Nhơn

- Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo Quy Nhơn quan tâm tham mưu UBND thành phố đầu tư cho trường các nội dung sau:

+ Đầu tư kiên cố hóa thêm cho nhà trường để thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng-chăm sóc - giáo dục trẻ, giữ vững chất lượng trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

+ Đầu tư thêm về đồ dùng trang thiết bị theo Thông tư 02 và Thông tư 32 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, tạo điều kiện cho nhà trường và giáo viên thực hiện chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non theo yêu cầu phát triển chất lượng giáo dục toàn ngành.

- Tham mưu UBND thành phố sắp xếp viên chức quản lý, nhân viên thừa, thiếu sau sáp nhập.

3. Đối với Phòng Nội vụ thành phố:

Đề nghị Phòng Nội vụ thành phố tham mưu UBND thành phố xem xét, giải quyết về việc sắp xếp nhân sự cho các vị trí chức danh còn thừa hoặc thiếu, bố trí nhân sự cho trường sau sáp nhập được đảm bảo đầy đủ các vị trí, chức năng nhiệm vụ.

4. Đối với Phòng Tài chính- Kế hoạch thành phố:

Đề nghị Phòng Tài chính- Kế hoạch thành phố hướng dẫn, tham mưu UBND thành phố thực hiện sáp nhập tài chính, tài sản của 2 trường, thực hiện quản lý, sử dụng và quyết toán tài chính, tài sản sau sáp nhập đúng theo quy định của nhà nước.

Tham mưu UBND thành phố về kinh phí để đầu tư thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất để trường Mẫu giáo Hương Sen sau sáp nhập đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đề nghị Phòng Tài chính- Kế hoạch hướng dẫn Trường sau khi sáp nhập thực hiện xây dựng phương án tự chủ trình UBND thành phố giao thực hiện cơ chế tự chủ cho đơn vị theo Nghị định số 60/2021/NĐ – CP của Chính phủ.

PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi UBND thành phố ban hành Quyết định sáp nhập, các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp, tham mưu cấp thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

- Sắp xếp viên chức quản lý, viên chức, người lao động phù hợp với quy định hiện hành của nhà nước, đảm bảo điều kiện cho các trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao;

- Bàn giao biên chế, vị trí việc làm, số người làm việc, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, loại hồ sơ sổ sách, tài liệu và các nội dung khác đối với các trường liên quan;

- Đề xuất kinh phí, các nguồn tài chính hợp pháp; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của viên chức, người lao động và học sinh đúng quy định của pháp luật;

- Đề xuất biện pháp xử lý nhà, đất, tài sản đối với các điểm trường không sử dụng; thực hiện việc bàn giao quyền sử dụng đất cho các trường theo quy định hiện hành của nhà nước;

- Ổn định tổ chức, đảm bảo hoạt động chuyên môn của các trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Trên đây là Đề án sáp nhập trường Mẫu giáo Trần Phú vào trường Mẫu giáo Hương Sen của UBND phường Trần Phú, kính báo cáo UBND thành phố Quy Nhơn quan tâm xem xét./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để báo cáo);
- Phòng NV, TCKH, GDĐT (để phối hợp);
- TT Đảng ủy (để báo cáo);
- Lưu: VT.

Bùi Văn Sơn

PHỤ LỤC 1**DANH SÁCH VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG**

(Kèm theo Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 12/01/2024 của UBND Phường Trần Phú về Đề án sáp nhập Trường MG Trần Phú vào Trường MG Hương Sen)

St t	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, chức đanh	Đảng viên	Chuyên môn, nghiệp vụ			Lý luận chính trị	Ghi chú (ghi ngày, tháng, năm nghỉ hưu theo quy định)
					Chuyên môn	Ngoại ngữ	Tin học		
1	Trần Thị Thùy Hạnh	12/06/1970	Hiệu trưởng	x	ĐHGDMN	B	CCNT T	TC	1/11/2027
2	Trần Thị Mỹ Hiếu	18/12/1983	Hiệu trưởng	x	Thạc sĩ	B	B	TC	01/01/2044
3	Nguyễn Thị Minh Thảo	06/12/1986	Phó HT	x	ĐHGDMN	B	CCNT T	TC	01/01/2047
4	Phạm Thị Hồng Duyên	01/06/1987	Phó HT	x	ĐHSP	C	CCNT T	TC	01/07/2047
5	Trần Thị Phan Hạnh	03/01/1983	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T	SC	1/09/2043
6	Cao Thị Kiều Hoa	21/10/1986	GVMN	x	ĐHGDMN	C	CCNT T	TC	01/11/2046
7	Đặng Ngọc Lệ Hằng	25/10/1986	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T		01/11/2046
8	Trương Ánh Hồng	13/09/1991	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T		01/10/2051
9	Võ Thị Nông	02/07/1993	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T		01/08.2053
10	Đình Thị Mỹ Trang	19/07/1978	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T	SC	01/08/2038
11	Châu Thị Hưng	08/08/1982	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T	SC	01/09/2042
12	Nguyễn Thị Minh Trinh	20/09/1978	GVMN	x	ĐHGDMN	B	CCNT T		01/10/2038
13	Nguyễn Thị Thu Hương	24/09/1994	GVMN		CĐGDMN	C	CCNT T		01/10/2054
14	Huỳnh Thị Mỹ Nhân	02/04/1998	GVMN		ĐHGDMN	B	CCNT T		01/05/2058
15	Nguyễn Thị Thanh Tâm	06/08/1999	GVMN		ĐHGDMN	B	CCNT T		01/09/2059
16	Võ Thị Hoài Trang	17/07/1996	GVMN		ĐHGDMN	B	CCNT T		01/08/2056
17	Nguyễn Thị Minh Thương	27/06/1997	GVMN		ĐHGDMN	B	CCNT T		01/07/2057
18	Phạm Hoàng Thu	15/08/2000	GVMN		CĐGDMN	C	CCNT T		01/09/2060

19	Phạm Thị Như Ý	12/12/1992	GVMN	x	ĐHSP	B	CCNT T		01/01/2053
20	Nguyễn Thanh Bạt	11/10/1978	GVMN	x	ĐHSP	B	CCNT T		01/11/2038
21	Bùi Thị Tố Oanh	03/06/1969	GVMN	x	ĐHSP	B	A		01/07/2027
22	Trần Thị Mỹ Hằng	27/10/1993	GVMN	x	ĐHSP	C	CCNT T		01/11/2053
23	Nguyễn Thị Thu Lý	21/04/1994	GVMN	x	ĐHSP	B	B		01/05/2054
24	Võ Thị Minh Trân	13/10/1989	GVMN	x	ĐHSP	B	CCNT T		01/11/2049
25	Nguyễn Lê Anh Thư	01/04/1999	GVMN		ĐHSP	B	CCNT T		01/05/2059
26	Đỗ Thị Thoa	26/08/1999	GVMN	x	ĐHSP	C	CCNT T		01/09/2059
27	Trần Thị Phương Linh	10/09/1997	GVMN		CĐSP	C	CCNT T		01/10/2057
28	Sô Yên Minh	29/10/2000	GVMN		ĐHSP	B	CCNT T		01/11/2060
29	Hồ Thị Nhi	02/05/2001	GVMN		CĐSP	B	CCNT T		01/06/2061
30	Nguyễn Thị Lệ	20/01/1984	Kế toán	x	Đại học kế toán	ĐH Ngoại Ngữ	B		01/02/2044
31	Từ Thị Ngọc Bích	20/06/1991	Kế toán		CĐKT	C	CCNT T		01/07/2051
32	Trần Thị Thu Trang	18/11/1995	Văn thư		ĐH Lịch sử Chứng chỉ văn thư - lưu trữ	B	B		01/12/2055
33	Nguyễn Thị Phương Oanh	15/04/1985	Cấp dưỡng	x	TC nấu ăn	A	B		01/05/2045
34	Hồ Thị Việt	12/05/1991	Cấp dưỡng		SC nấu ăn	B	B		01/06/2051
35	Lê Thị Thanh	04/02/1976	Cấp dưỡng		SC nấu ăn				01/03/2036
36	Phan Thị Thanh Lan	25/02/1975	Cấp dưỡng		SC nấu ăn				01/11/2034
37	Phan Thị Thủy Trang	09/04/1974	Cấp dưỡng		SC nấu ăn				01/09/2033
38	Lê Mạnh Toàn	19/01/1986	Bảo vệ						01/02/2046
39	Trần Ngọc Minh	14/12/1983	Bảo vệ						01/01/2044

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC CSVC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG**

(Kèm theo Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 12/01/2024 của UBND Phường Trần Phú về Đề án sáp nhập Trường MG Trần Phú vào Trường MG Hương Sen)

Stt	Loại CSVC	Số lượng			Ghi chú
		Định mức	Hiện có	Đề nghị bổ sung	
I	Khối phòng HCQT				
1	Phòng HCQT	1	0	1	
II	Khối phòng nuôi dưỡng, CSGD				
1	Phòng GD thể chất và nghệ thuật	1	0	1	
2	Phòng tin học	1	0	1	
3	Sân chơi theo từng lớp	13	05	8	
III	Khối phòng tổ chức ăn				
IV	Khối phụ trợ				
1	Phòng họp	1	0	1	
2	Phòng Y tế	1	0	1	
4	Thư viện	1	0	1	

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY HỌC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG**

(Kèm theo Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 12/01/2024 của UBND Phường Trần Phú về Đề án sáp nhập Trường MG Trần Phú vào Trường MG Hương Sen)

Stt	Loại TBDH	Số lượng			Ghi chú
		Định mức	Hiện có	Đề nghị bổ sung	
I	* Đối với nhà trẻ 24-36 tháng				
1	Gậy thể dục nhỏ	25	0	25	
2	Đồ chơi có bánh xe và dây kéo	5	0	5	
3	Hộp thả hình	5	0	5	
4	Lồng hộp vuông	5	0	5	
5	Lồng hộp tròn	5	0	5	
6	Bộ xâu hạt	10	0	10	
7	Bộ xâu dây	5	0	5	
8	Bé búa cọc	5	0	5	
9	Búa 3 bi 2 tầng	2	0	2	
10	Các con kéo dây có khớp	3	0	3	
11	Bé tập tháo vòng	5	0	5	
12	Bộ xây dựng trên xe	2	0	2	
13	Hàng rào nhựa	3	0	3	
14	Tranh ghép các con vật	1	0	1	
15	Tranh ghép các loại quả	1	0	1	
16	Đồ chơi nhồi bông	1	0	1	
17	Đồ chơi với cát	2	0	2	
18	Bộ tranh truyện nhà trẻ	2	0	2	
19	Bộ tranh minh họa thơ nhà trẻ	2	0	2	
20	Con rối	1	0	1	
21	Khối hình to	8	0	8	
22	Khối hình nhỏ	8	0	8	
23	Bộ nhận biết, tập nói	1	0	1	
24	Búp bê bé trai (cao – thấp)	4	0	4	
25	Búp bê bé gái (cao- thấp)	4	0	4	
26	Giường búp bê	2	0	2	
II	Đối với trẻ Mẫu giáo 3-4 tuổi				
1	Nguyên liệu để đan Tết	2	0	2	
III	Đối với trẻ Mẫu giáo 4-5 tuổi				
1	Nguyên liệu để đan Tết	2	0	2	
2	Lịch của trẻ	2	0	2	
IV	Đối với trẻ Mẫu giáo 5-6 tuổi				
1	Lịch của trẻ	2	0	2	
3	Nguyên liệu để đan Tết	2	0	2	

PHỤ LỤC
DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ SAU SÁP NHẬP

STT	Danh mục sơ sở vật chất đầu tư, mua sắm sau sáp nhập	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng	Nhu cầu kinh phí dự kiến (triệu đồng)	Nguồn kinh phí (triệu đồng)			Ghi chú
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Ngân sách Nhà nước hỗ trợ	Nguồn hợp pháp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đầu tư công							
1	Phòng HCQT	Phòng	1	800		800		
2	Phòng GD thể chất và nghệ thuật	Phòng	1	700		700		
3	Phòng tin học	Phòng	1	700		700		
4	Sân chơi theo từng lớp	Sân	13	650		650		
5	Phòng họp	Phòng	1	800		800		
6	Phòng Y tế	Phòng	1	400		400		
7	Thư viện	Phòng	1	900		900		
II	Mua sắm thường xuyên							
1	Thiết bị đồ dùng dạy học, đồ chơi theo văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015	Bộ	31	95		95		
	Tổng cộng			5.045		5.045		